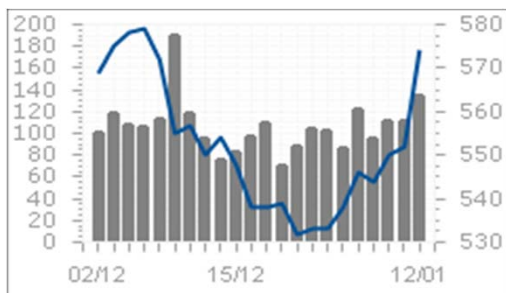


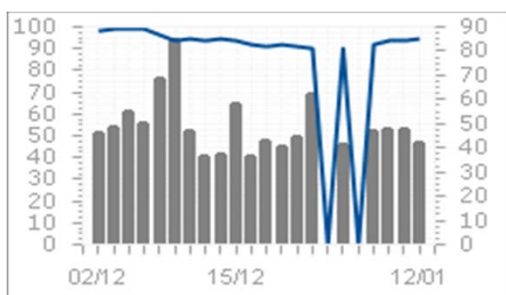
HOSE 12/01/2015

VNINDEX	574.32	4.59	0.81%
KLGD	134,928,562	CP	
GTGD	2,170.91	Tỷ	
GTR NDTNN	48.15	Tỷ	
CP Tăng giá	65	CP	
CP Giảm giá	167	CP	
CP Đứng giá	72	CP	



HNX 12/1/2015

HNXINDEX	84.72	-0.93	-1.09%
KLGD	47,406,811	CP	
GTGD	624.03	Tỷ	
GTR NDTNN	9.92	Tỷ	
CP Tăng giá	59	CP	
CP Giảm giá	139	CP	
CP Đứng giá	181	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	615.73	-2.68	-0.43%
HNX30	164.85	-1.86	-1.11%

Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu đã có sự phân hóa sau nhiều phiên tăng mạnh**
- ▶ **NDT Nước ngoài mua ròng trên cả hai sàn**
Thanh khoản gia tăng nhờ lực bán chốt lời và lực cầu bắt đáy
- ▶ **Lãi suất trái phiếu Chính phủ có xu hướng tăng**
Tháng 12/2014, lãi suất TPCP có xu hướng tăng so với tháng 11/2014
Kinh tế đô thị
- ▶ **Tài sản của các tổ chức tín dụng tăng thêm 103.000 tỷ đồng trong 1 tháng**
SBV
- ▶ **Nhật Bản đề xuất ngân sách kỷ lục năm 2015-2016**
Thâm hụt ngân sách dự báo vẫn tăng khoảng 200 tỷ yên lên 23,5 nghìn tỷ yên
Reuters/DVO
- ▶ **BIDV: Lãi trước thuế 2014 đạt 6,065 tỷ, nợ xấu 1.8%**
Tăng trưởng 20% so năm 2013
BIDV
- ▶ **PXS lãi trước thuế năm 2014 vượt 37% kế hoạch năm**
Lợi nhuận trước thuế 144 tỷ đồng
DVO

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,033,873	13.8	2.8	18.1%	9.3%
HNX	142,029	13.6	1.8	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,175,902	14.2	2.7	17.9%	8.9%
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,693	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,630	9.8	1.6	16.9%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	37,445	12.7	2.0	22.8%	10.8%
Khai khoáng	12,412	88.8	6.2	-4.2%	-3.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	27,094	15.0	1.6	13.2%	7.4%
Xây dựng	33,104	27.2	1.2	1.8%	2.4%
Máy công nghiệp	8,675	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,726	8.5	1.5	18.5%	13.5%
Lốp xe	8,213	10.6	2.8	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,255	11.1	2.1	22.6%	7.5%
Thực phẩm	192,723	24.8	4.7	18.7%	14.5%
Dược phẩm	15,645	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Phần mềm	16,925	10.1	2.1	21.7%	8.9%
Sản xuất & phân phối điện	30,368	10.6	1.6	15.8%	7.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	146,088	12.0	3.9	32.3%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	23,817	18.9	2.0	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	26,167	10.8	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng	271,953	12.9	1.5	10.3%	0.9%
Bất động sản	159,319	15.6	2.5	17.7%	4.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,699	7.6	1.6	21.9%	9.2%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Lãi suất trái phiếu Chính phủ có xu hướng tăng

Tài sản của các tổ chức tín dụng tăng thêm 103.000 tỷ đồng trong 1 tháng

Nhật Bản đề xuất ngân sách kỷ lục năm 2015-2016

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

BIDV: Lãi trước thuế 2014 đạt 6,065 tỷ, nợ xấu 1.8%

PXS lãi trước thuế năm 2014 vượt 37% kế hoạch năm

Bia Sài Gòn lãi trước thuế 3.914 tỉ đồng năm 2014

► Tin kinh tế

Tổng khối lượng phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) trong tháng 12/2014 đạt 8.202 tỷ đồng. Trong đó, khối lượng trái phiếu trúng thầu có kỳ hạn 3 năm đạt 5.055 tỷ đồng (chiếm 62% tổng khối lượng phát hành trong tháng), kỳ hạn 5 năm là 1.987 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm là 20 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm có khối lượng là 1.140 tỷ đồng. Tháng 12/2014, lãi suất TPCP có xu hướng tăng so với tháng 11/2014. Cụ thể, mức lãi suất trung bình TPCP có kỳ hạn 3 năm khoảng 5,2%, tăng 0,3% so với tháng trước. Lãi suất trung bình TPCP có kỳ hạn 5 năm khoảng 5,95%/năm, tăng 0,6% so với tháng trước.

Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Nhà nước, tổng tài sản của các tổ chức tín dụng đã lên tới 6.277.904 tỷ đồng (cập nhật đến hết 30/11/2014), tăng hơn 522.000 tỷ đồng so với hồi đầu năm, tương đương tăng 6,34%. Đáng lưu ý, tài sản của toàn hệ thống đã tăng đột biến trong tháng 11. Trong vòng 1 tháng từ cuối tháng 10 đến cuối tháng 11, tài sản của hệ thống đã tăng 103.281 tỷ đồng, gấp 2,5 lần mức tăng bình quân về tài sản của các tháng trước đó. Trong mức tăng đạt được ở tháng 11, tài sản của nhóm các ngân hàng thương mại nhà nước tăng xấp xỉ 37.000 tỷ lên 2.749.015 tỷ đồng còn tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần tăng thêm hơn 40.700 tỷ lên 2.664.878 tỷ đồng.

Theo Reuters trích dẫn thông tin từ 2 quan chức chính phủ Nhật Bản, dự thảo ngân sách cho năm tài chính tới (bắt đầu từ tháng 4/2015) đã tăng lên 96,3 nghìn tỷ yên (813 tỷ USD) từ mức ban đầu 95,9 nghìn tỷ yên. Dự thảo này dự kiến sẽ được Nội các Nhật Bản thông qua vào ngày 14/1 trước khi được trình lên Quốc hội. Việc tăng ngân sách chứng tỏ Thủ tướng Shinzo Abe đang gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chi phí phúc lợi khi dân số già hóa nhanh và đầu tư vào hàng hóa không thiết yếu, đặc biệt trong lĩnh vực quân sự. Thâm hụt ngân sách dự báo vẫn tăng khoảng 200 tỷ yên lên 23,5 nghìn tỷ yên - tương đương gần 3% GDP Nhật Bản trong năm tài chính 2015 - 2016.

► Tin doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID) công bố, lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 6,065 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so năm 2013, tỷ lệ nợ xấu 1.8%. Cụ thể, tổng tài sản BIDV đạt trên 655 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 18%. Dự nợ tín dụng đạt trên 461 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 19% và tỷ lệ nợ xấu đạt 1.8%. Nguồn vốn huy động thị trường 1 đạt 502 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 20%; thị trường 2 gồm vay trong nước, nước ngoài đạt trên 55 nghìn tỷ đồng. ROE đạt 14.4%, ROA đạt 0.8%, EPS đạt 1,700 đồng. Hệ số an toàn vốn đạt trên 9%. Bước sang năm 2015, BIDV tiếp tục đặt ra mục tiêu nguồn vốn huy động tăng 16.5%, tín dụng tăng 16%, nợ xấu dưới 2.5%, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng không thấp hơn 20%.

Theo tin từ Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (mã PXS), năm 2014, doanh thu đạt 1.719 tỷ đồng, bằng 122,78% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế 144 tỷ đồng, đạt 137,14% kế hoạch năm. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 16,03 triệu đồng/người/tháng. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 của PXS với sản lượng 2.100 tỷ đồng. Chỉ tiêu doanh thu 1.750 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với thực hiện năm 2014 nhưng kế hoạch lợi nhuận trước thuế 130 tỷ đồng, giảm 10% so với thực hiện 2014. Về hoạt động sản xuất đầu năm mới 2015, ngày 09/1/2015, tại cảng Liên doanh Việt- Nga, PXS đã dựng thành công Panel row 2 part 2 chân đế Thiên Ưng. Theo kế hoạch, PXS sẽ hoàn thành chế tạo trên bờ chân đế Thiên Ưng và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa đi lắp đặt ngoài khơi vào tháng 6/2015.

Ngày 8-1, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn tổ chức tổng kết tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2014, triển khai phương hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2015. Sản lượng tiêu thụ bia Sài Gòn đạt 1.356 triệu lít, bằng 102% kế hoạch, tăng 3% so cùng kỳ. Tổng doanh thu đạt 29.788 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch, tăng 4% so cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.914 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch, tăng 9% so cùng kỳ. Tổng nộp ngân sách đạt 6,985 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch, tăng 5% so cùng kỳ...Dự báo năm 2015, sản lượng tăng 1%, doanh thu tăng 4% so với năm 2014.

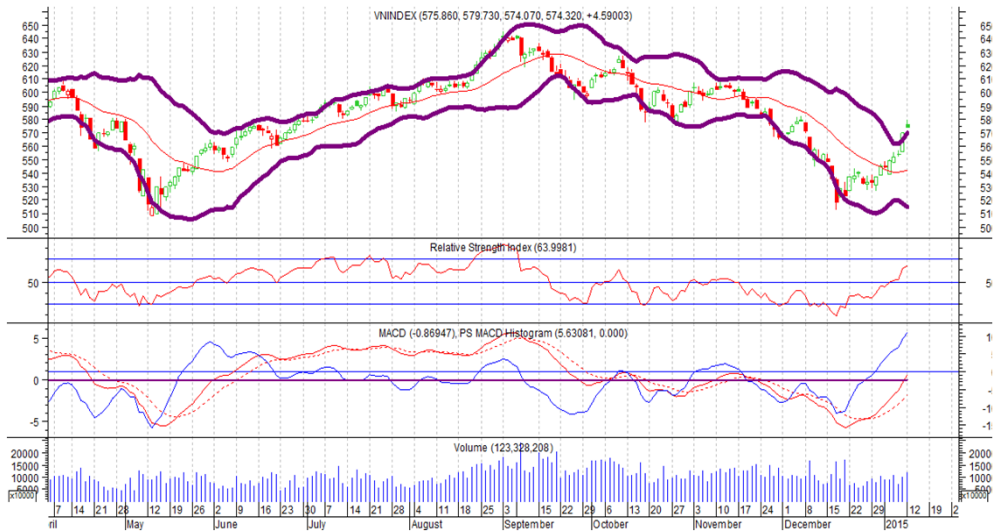
HOSE 12/01/2015 VNINDEX 574.32 4.59 0.81% 134,928,562 CP 2,170.91 bil VND

Cổ phiếu đã có sự phân hóa sau nhiều phiên tăng mạnh

- Vn-Index tăng 4.62đ (+0.81%) lên mức 574.35 điểm. Một cây nến đặc hình thành, thân nhỏ nhưng bóng nền trên khá dài. Đường giá đã chính thức vượt ra ngoài giải Bollinger Band và nằm trên đường MA (20) là tín hiệu tích cực.

- Chỉ số RSI vẫn tiếp tục gia tăng, MACD đã tiến sát đường Zexo.

'-Tuy nhiên, loại bỏ ảnh hưởng của GAS thì chỉ số VN30 cũng xác nhận điều chỉnh. Do vậy, khả năng phiên ngày mai Vn-Index sẽ điều chỉnh.



HOSE Top 5 theo KLGD

OGC	-0.3 (-4.8%)	32,247,910
FLC	-0.3 (-2.7%)	7,860,660
MBB	-0.1 (-0.7%)	6,457,090
VHG	-0.6 (-4.8%)	4,892,530
ITA	-0.1 (-1.2%)	4,358,010

HOSE Top 5 theo % tăng

VNG	0.9 (6.9%)	1,670
BID	1 (6.9%)	3,509,140
SSC	3.5 (6.9%)	20
COM	2 (6.8%)	10
GAS	5 (6.8%)	671,210

HOSE Top 5 theo % giảm

KSH	-0.8 (-6.9%)	1,038,700
THG	-1.1 (-6.7%)	620
HLA	-0.1 (-6.7%)	1,760
HU1	-0.6 (-6.7%)	100
PNC	-0.8 (-6.7%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VCB	13,4 tỷ	363,590
HT1	10,0 tỷ	505,570
BID	9,3 tỷ	598,900
STB	9,0 tỷ	475,780
MWG	8,3 tỷ	76,080

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-19,8 tỷ	416,070
CTG	-13,0 tỷ	880,130
PVD	-8,4 tỷ	136,190
CSM	-3,8 tỷ	88,500
DXG	-3,0 tỷ	215,250

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,301,350	48.15

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà tăng giảm dần vào cuối phiên, song nhờ có GAS và BID dẫn dắt và nâng đỡ nên Vn-Index duy trì được sắc xanh đến hết phiên.
- ▶ Cổ phiếu sau nhiều phiên tăng tốt đã có sự phân hóa mạnh. Độ rộng bảng điện tử đến cuối phiên chiều nay bị co hẹp. Toàn sàn có 65 mã tăng giá, 49 mã đứng giá và 169 mã giảm giá.
- ▶ OGC dẫn đầu sàn về thanh khoản với hơn 32,2 triệu cổ phiếu được giao dịch thành công. Tiếp đó là FLC đạt hơn 7,86 triệu cổ phiếu; MBB đạt hơn 6,45 triệu cổ phiếu;
- ▶ Nhà đầu tư ngoại: Mua ròng 48.5 tỷ, mua mạnh ở các mã VCB, HT1, BID, STB, MWG... Bán ròng KDC, CTG, PVD....
- ▶ Nhận định: Thị trường có khả năng điều chỉnh sau nhịp tăng khá mạnh. Nhà đầu tư có thể xem xét bán ra những cổ phiếu đã tăng mạnh.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	79.0	149,705.00	12.2	4.0	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	100.0	100,011.86	17.7	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	37.2	99,138.76	21.4	2.3	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.3	68,800.46	17.9	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	85.5	62,911.60	- 488.8	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	9.9	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	15.5	43,573.64	9.2	1.3	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	35.7	24,292.83	19.0	2.0	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	19.0	21,707.72	8.6	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

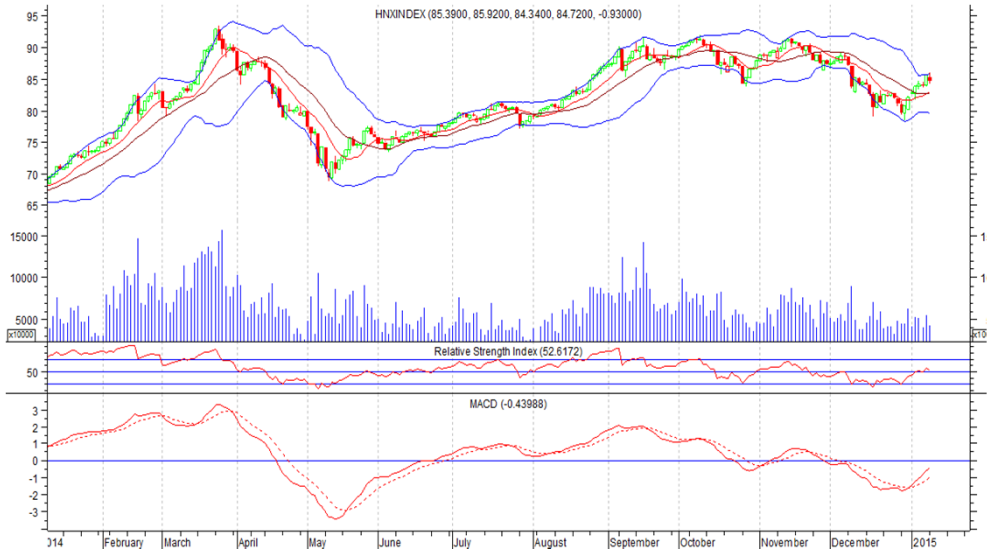
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.8	1,080.72	13.9	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.0	800.94	23.0	0.9	NA	TH.DOI
CII	186.8	19.2	3,585.69	7.2	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	5.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 12/01/2015 HNX-Index 84.72 -0.93 -1.09% 47,406,811 CP 624.03 bil. VND

Cổ phiếu đã có sự phân hóa sau nhiều phiên tăng mạnh

-Chỉ số HNX-Index giảm 0.93 điểm (-1.09%), đóng cửa tại mốc 84.72 điểm. Một cây nến đặc, đồ hình thành, thân nến có xu hướng vào trong dải Bollinger Band sau khi chạm dải trên vào phiên trước cho thấy khả năng điều chỉnh cao.

- MACD tiếp tục tăng, song RSI giảm mạnh.
- Không bị tác động bởi cổ phiếu vốn hóa nên chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh sớm hơn so với Vn-Index. Khả năng HNX-Index vẫn tiếp tục điều chỉnh trong những phiên sắp tới.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	-0.2 (-2.2%)	7,154,060
KLF	-0.4 (-3.6%)	5,994,280
SCR	-0.1 (-1.1%)	2,548,020
PVS	-0.4 (-1.5%)	2,409,090
PVX	-0.2 (-3.9%)	2,391,950

HNX Top 5 theo % tăng

HGM	5 (10.0%)	11,400
MDC	1 (9.8%)	4,300
NET	2.5 (9.7%)	2,000
MCF	1.7 (9.7%)	100
HEV	1.3 (9.6%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

DST	-1.3 (-10.0%)	500
TBX	-1 (-9.9%)	100
SEB	-3.2 (-9.8%)	1,000
ITQ	-2.7 (-9.7%)	1,208,120
ECI	-2 (-9.7%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	3,0 tỷ	111,900
SHB	2,4 tỷ	267,100
VCG	1,5 tỷ	120,600
BCC	0,7 tỷ	39,900
VND	0,6 tỷ	50,100

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PGS	-0,2 tỷ	9,000
LAS	-0,2 tỷ	5,000
TDN	-0,2 tỷ	17,000
DNM	-0,1 tỷ	3,400
VIX	-0,1 tỷ	3,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	709,350	9.92

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index có một nhịp tăng khá ngắn, điều chỉnh sớm diễn ra, chỉ số HNX nhanh chóng rời mốc tham chiếu. Đà giảm nói rộng dần vào cuối phiên.
- ▶ Áp lực bán chốt lời là nguyên nhân chính kéo chỉ số đi xuống. Đa số các mã lớn, mang tính dẫn dắt đảo chiều giảm khiến thị trường mất chỗ dựa, rung lắc mạnh.
- ▶ Nhóm cổ phiếu chủ chốt ngoại trừ ACB đóng cửa tăng 200 đồng, các mã còn lại ngập trong sắc đỏ: BVS, PVS, VCG giảm khá 400 đồng; KLS, SHB giảm 200 đồng....
- ▶ Nhà đầu tư ngoại: Mua ròng nhẹ 9.92 tỷ, Mua ròng mạnh PVS, SHB, VCG, BCC... Bán ròng PGS, LAS, TDN....
- ▶ Nhận định: Thị trường có khả năng điều chỉnh sau nhịp tăng khá mạnh. Nhà đầu tư có thể xem xét bán ra những cổ phiếu đã tăng mạnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	16.1	14,647.47	26.8	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	27.1	12,105.58	7.4	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.9	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.5	5,521.38	8.6	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.4	3,917.75	12.6	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.2	3,172.04	9.9	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	50.6	2,850.77	7.4	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.8	2,708.55	7.7	2.2	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.8	1,056.40	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.5	534.60	5.2	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.0	2,014.98	11.4	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.6	2,850.77	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.6	1,230.00	6.3	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.5	318.94	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	15.22%	85.5	- 488.78	4.34	110,142	280,083	222,057
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	12.53%	47.3	17.91	3.77	566,170	850,353	1,110,784
PVD	HOSE	303.0	18,788.29	11.71%	62.0	7.90	1.71	591,822	1,026,963	816,208
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.23	2.27	316,394	390,149	477,151
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	7.45%	22.3	9.57	1.24	2,506,970	2,516,323	3,115,683
KDC	HOSE	255.2	11,967.06	7.00%	46.9	19.53	1.79	1,550,855	1,340,316	1,185,330
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	5.69%	19.0	8.63	1.19	961,074	2,383,537	988,495
VCB	HOSE	2,665.0	99,138.76	5.16%	37.2	21.39	2.27	1,239,780	1,230,764	652,168
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	4.04%	32.1	10.38	1.35	982,348	919,957	696,834
KBC	HOSE	389.8	6,080.26	2.83%	15.6	14.61	1.18	2,260,963	2,344,488	3,734,474
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	47.69	0.74	5,491,536	5,487,073	5,619,066
HSG	HOSE	96.3	4,536.35	1.95%	47.1	11.11	1.91	87,418	121,247	183,272
BVH	HOSE	680.5	24,292.83	1.83%	35.7	18.95	1.99	601,913	546,146	315,179
HVG	HOSE	132.0	3,445.20	1.55%	26.1	12.18	1.47	676,025	996,043	1,246,335
FLC	HOSE	314.9	3,369.36	1.53%	10.7	6.45	0.91	11,777,900	10,803,533	14,382,338
PPC	HOSE	318.2	8,303.84	1.47%	26.1	11.75	1.59	938,283	956,095	530,782
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.41%	55.5	13.46	3.25	32,097	134,614	105,843
PVT	HOSE	255.9	3,479.66	1.37%	13.6	12.13	1.17	2,573,999	2,728,399	2,348,083
CSM	HOSE	67.3	2,846.45	1.32%	42.3	8.14	2.23	90,312	63,751	93,041
VSH	HOSE	206.2	2,784.26	1.16%	13.5	19.15	1.04	292,065	584,630	491,320
OGC	HOSE	300.0	1,800.00	0.56%	6.0	10.96	0.58	6,156,059	6,104,777	6,060,549

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	8.53%	85.5	- 488.78	4.34	110,142	280,083	222,057
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	7.57%	47.3	17.91	3.77	566,170	850,353	1,110,784
VCB	HOSE	2,665.0	99,138.76	7.13%	37.2	21.39	2.27	1,239,780	1,230,764	652,168
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	6.62%	19.0	8.63	1.19	961,074	2,383,537	988,495
PVS	HNX	446.7	12,105.58	5.75%	27.1	7.40	1.41	2,021,818	2,856,333	2,563,692
BVH	HOSE	680.5	24,292.83	4.51%	35.7	18.95	1.99	601,913	546,146	315,179
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	4.25%	32.1	10.38	1.35	982,348	919,957	696,834
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	4.04%	22.3	9.57	1.24	2,506,970	2,516,323	3,115,683
PVD	HOSE	303.0	18,788.29	3.90%	62.0	7.90	1.71	591,822	1,026,963	816,208
PPC	HOSE	318.2	8,303.84	3.14%	26.1	11.75	1.59	938,283	956,095	530,782
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	47.69	0.74	5,491,536	5,487,073	5,619,066
FLC	HOSE	314.9	3,369.36	2.85%	10.7	6.45	0.91	11,777,900	10,803,533	14,382,338
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.54%	8.8	9.85	0.77	5,606,761	4,684,747	3,777,489
VCG	HNX	441.7	5,521.38	2.12%	12.5	8.62	1.01	1,111,463	1,287,876	1,423,424
PVT	HOSE	255.9	3,479.66	1.78%	13.6	12.13	1.17	2,573,999	2,728,399	2,348,083
OGC	HOSE	300.0	1,800.00	143.00%	6.0	10.96	0.58	6,156,059	6,104,777	6,060,549
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.00%	55.5	13.46	3.25	32,097	134,614	105,843
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.65%	13.5	22.17	1.30	144,589	352,335	565,967
PVX	HNX	400.0	1,960.00	0.00%	4.9	- 2.23	2.21	5,550,237	4,435,239	5,374,454

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	0.00%	47.3	17.91	3.77	566,170	850,353	1,110,784
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	0.00%	85.5	- 488.78	4.34	110,142	280,083	222,057
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	0.00%	32.1	10.38	1.35	982,348	919,957	696,834
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	0.00%	22.3	9.57	1.24	2,506,970	2,516,323	3,115,683
VCB	HOSE	2,665.0	99,138.76	0.00%	37.2	21.39	2.27	1,239,780	1,230,764	652,168
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.00%	19.0	8.63	1.19	961,074	2,383,537	988,495
BVH	HOSE	680.5	24,292.83	0.00%	35.7	18.95	1.99	601,913	546,146	315,179
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	9.94	0.99	264,181	217,043	251,162
GAS	HOSE	1,895.0	149,705.00	0.00%	79.0	12.16	3.96	372,509	548,972	508,359

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	4.01%	85.5	- 488.78	4.34	110,142	280,083	222,057
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	2.27%	47.3	17.91	3.77	566,170	850,353	1,110,784
PVD	HOSE	303.0	18,788.29	4.39%	62.0	7.90	1.71	591,822	1,026,963	816,208
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.89%	19.0	8.63	1.19	961,074	2,383,537	988,495
VCB	HOSE	2,665.0	99,138.76	1.28%	37.2	21.39	2.27	1,239,780	1,230,764	652,168
BVH	HOSE	680.5	24,292.83	1.79%	35.7	18.95	1.99	601,913	546,146	315,179

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,693	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,630	9.8	1.6	16.9%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,120	15.2	1.0	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	858	6.2	1.0	14.4%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,445	12.7	2.0	22.8%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,992	3.7	1.0	21.6%	5.2%
Khai khoáng	12,412	88.8	6.2	-4.2%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	27,094	15.0	1.6	13.2%	7.4%
Xây dựng	33,104	27.2	1.2	1.8%	2.4%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,192	9.5	1.2	15.9%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,029	6.8	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,672	8.2	1.5	18.6%	6.5%
Thiết bị điện	1,748	11.0	1.9	10.1%	4.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	72	23.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,675	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,603	2.9	0.9	4.6%	1.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,726	8.5	1.5	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	9,280	7.9	2.7	40.2%	28.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,611	18.2	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	245	12.7	0.8	7.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	201	9.2	1.0	12.7%	5.0%
Chất thải & Môi trường	221	3.4	1.1	33.7%	15.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,269	13.5	1.3	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,213	10.6	2.8	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,827	8.1	1.4	17.9%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	330	16.6	2.2	15.0%	10.0%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,255	11.1	2.1	22.6%	7.5%
Thực phẩm	192,723	24.8	4.7	18.7%	14.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,893	7.8	1.2	18.2%	8.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	519	62.6	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,686	8.4	1.6	19.3%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,226	10.4	1.9	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	785	11.6	1.0	2.2%	4.3%

12 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,946	10.0	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	160	3.3	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	216	9.3	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,645	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	223	35.4	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	737	10.3	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,631	9.1	1.6	18.8%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,122	9.2	1.0	9.9%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,653	55.4	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,421	20.6	1.3	10.7%	8.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,747	18.5	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	720	10.7	0.9	8.7%	3.2%
Internet	429	90.5	1.1	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,925	10.1	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	464	15.8	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	294	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,735	38.1	7.9	34.4%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,368	10.6	1.6	15.8%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	146,088	12.0	3.9	32.3%	21.9%
Nước	1,216	6.5	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,484	8.8	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,621	11.3	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,172	9.9	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,817	18.9	2.0	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,623	7.7	1.2	18.4%	12.6%
Môi giới chứng khoán	26,167	10.8	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	271,953	12.9	1.5	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	159,319	15.6	2.5	17.7%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,699	7.6	1.6	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.